

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 342/2025/DS-PT
Ngày 08-12-2025
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Ngọc Thúy và ông Lưu Hữu Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 274/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 340/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961; nơi cư trú: Số H, tổ C, khóm B, phường B, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Vương Thị Đ, sinh năm 1961; nơi cư trú: Số H, tổ C, khóm B, phường B, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 11/11/2025) (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1973 (vắng mặt);

2.2. Ông Trần Văn C, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang (nay là tổ A, ấp T, xã C, tỉnh An Giang).

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/8/2024 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Vương Thị Đ trong quá trình tố tụng trình bày: Vào năm 2001, ông L có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất số thửa 533, số tờ bản đồ 02, diện tích 20.000m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02438QSDĐ/eI, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Nguyễn Văn L ngày 21/5/2001. Năm 2012, ông Trần Văn H và ông Trần Văn C ngang nhiên đem cây bạch đàn, cây dừa và cây chuối trồng trên bờ kênh do Nhà nước quản lý. Chính việc này đã gây cản trở, khó khăn trong việc đốt đất, làm giảm năng suất lúa của ông L, với diện tích 360m² (ngang 03m x dài 120m). Tổng cộng trong 12 năm quy thiệt hại mỗi năm 180kg lúa, ông Lương C1 tính lúa bị thiệt hại là 180kg/năm x 12 năm = 2.164kg x 7.000 đồng/kg = 15.120.000 đồng. Do vậy, ông L yêu cầu ông H và ông C phải bồi thường số tiền 15.120.000 đồng và chặt cây trồng trên bờ kênh để giao trả lại không gian chung cho bà con đi lại và sản xuất nông nghiệp trên địa phương.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, ông Trần Văn H và Trần Văn C trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các ông cho rằng cây bạch đàn, tràm, dừa và khóm các ông trồng trên phần đất của các ông và không gây ảnh hưởng gì đến lúa của ông L. Và tại phiên tòa sơ thẩm, các ông cũng không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L. Tuy nhiên, ông H đồng ý tự nguyện tĩa cành, nhánh cây bạch đàn, tràm, dừa phần chiếm không gian đất của ông L có chiều ngang 02m và chiều dài 10m (theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/6/2025).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2025/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 2, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 157, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 584, Điều 585, Điều 589 và Điều 175 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn H, ông Trần Văn C bồi thường thiệt hại lúa bị giảm năng suất tổng số tiền 15.120.000 đồng và chặt hàng cây bạch đàn, tràm, dừa và 03 hàng khóm.

2. Công nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn H có trách nhiệm tĩa những cành, nhánh cây bạch đàn, tràm, dừa chiếm phần không gian đất của ông Nguyễn Văn L ngang 02m và dài 10m (theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/6/2025).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 31/7/2025 và ngày 07/8/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Ông L và người đại diện theo ủy quyền của ông L là bà Đ có ý kiến: Yêu cầu ông H và ông C bồi thường thiệt hại cho ông L với số tiền 15.200.000 đồng do việc bị đơn trồng cây sát ranh đất nên lá cây rụng xuống đất làm giảm năng suất lúa trồng của nguyên đơn. Về thiệt hại nguyên đơn yêu cầu là do nguyên đơn tự ước lượng, so sánh và xác định không cung cấp được kết luận của cơ quan chuyên môn về việc xác định thiệt hại lúa của nguyên đơn như đã yêu cầu và không cung cấp chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của ông Nguyễn Văn L là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang. Ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Trần Văn H và ông Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và ông C.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Ông Nguyễn Văn L được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02438QSDĐ/eI ngày 21/5/2001, diện tích 20.000m² thuộc thửa đất số 533, số tờ bản đồ 02, tọa lạc tại ấp T, xã C, tỉnh An Giang. Ông L cho rằng ông H, ông C trồng hàng cây bạch đàn, trầm, dừa và khóm trên bờ kênh giáp phần đất của ông được cấp có diện tích 20.000m², có chiều dài giáp đất 120m, trong đó chiều dài trồng hàng cây bạch đàn, trầm, dừa khoảng 20m, phần còn lại khoảng 100m trồng 03 hàng khóm có chiều cao khoảng 03cm - 04cm. Từ đó, làm che khuất ánh sáng lúa; lá, nhánh, cành cây khô rụng, rễ cây hút chất dinh dưỡng và làm gây thiệt hại đến năng suất lúa của ông từ năm 2012 cho đến năm 2024 nên ông L yêu cầu ông H, Canh bồi thường thiệt hại lúa bị giảm năng suất tổng số tiền 15.120.000 đồng.

Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn (nay Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang), ghi nhận phần đất của ông L trên đất có canh tác lúa được khoảng 85 ngày tuổi, giáp ranh với đất của ông Trần Văn H, ông Trần Văn C; trên phần đất của ông H và ông C có trồng hàng cây bạch đàn, trầm, dừa (trong đó có 28 gốc bạch đàn, trầm; 04 gốc dừa) và 03 hàng khóm. Trong hàng cây bạch đàn, trầm có 08 gốc có lán chiếm không gian đất của ông L do những nhánh, cành cây lán qua có chiều dài khoảng 10m, chiều ngang 02m và có những chiếc lá, cành cây khô rơi qua phần đất của ông L. Qua 02 lần xem xét, thẩm định tại chỗ, ông L, ông H và ông C đều thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ông L cho rằng nguyên nhân dẫn đến năng suất lúa của ông bị giảm là do ông H và ông C trồng cây gây hại phần đất canh tác diện tích khoảng 360m² (03m x 120m), ước tính thiệt hại giảm năng suất 60kg lúa/vụ, mỗi năm canh tác 03 vụ, thiệt hại tổng cộng 180kg/năm và thiệt hại 12 năm (từ năm 2012 đến năm 2024) với tổng số tiền 15.120.000đ (60kg lúa x 03 vụ/năm x 12 năm x 7.000đ/kg lúa = 15.120.000đ). Đồng thời, tại giai đoạn sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông L thừa nhận về đánh giá mức độ thiệt hại lúa là do ông Lương T đánh giá theo kinh nghiệm, không phải do cơ quan chuyên môn nào kết luận. Ngoài ra, cấp sơ thẩm đã ban hành Thông báo số 12/TB-TA ngày 21/3/2025 yêu cầu ông L cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông nhưng ông L chỉ cung cấp biên bản hòa giải của Ban ấp, tờ tường trình của ông và 07 tấm ảnh mà ông L cung cấp cho cấp sơ thẩm ngày 15/7/2025, thể hiện quá trình trồng lúa nước từ khi làm đất xạ lúa giống đến lúa gần thời gian trở bông và đến khi lúa chuẩn bị thu hoạch. Như vậy, những tài liệu ông L cung cấp tại giai đoạn sơ thẩm không có đủ cơ sở xác định, chứng minh diện tích đất trồng lúa của ông L bị giảm năng suất do ảnh hưởng bởi cây trồng của ông H, ông C như yêu cầu khởi kiện của ông và phía ông H, ông C không thừa nhận và không đồng ý với yêu cầu khởi

kiện của ông L. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L về việc buộc ông H, ông C bồi thường thiệt hại lúa bị giảm năng suất với tổng số tiền 15.120.000 đồng là có căn cứ.

Đối với việc ông L yêu cầu ông H, ông C chặt hàng cây bạch đàn, tràm, dừa và hàng khóm. Hội đồng xét xử xét thấy, ông L thừa nhận ông H, ông C trồng hàng cây không nằm trong phần diện tích đất 20.000m² mà ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ghi nhận về không gian hàng cây bạch đàn, tràm có 08 gốc chiếm không gian phần đất của ông Lương N 02m, dài 10m; nhưng ông L không yêu cầu ông H tỉa nhánh, cành cây đối với những gốc cây có cành, nhánh cây chiếm không gian phần đất của ông L mà ông L yêu cầu ông H, ông C chặt toàn bộ hàng cây bạch đàn, tràm, dừa và hàng khóm. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở.

Nay ông L kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông L phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông L có đơn xin miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn H, ông Trần Văn C bồi thường thiệt hại lúa bị giảm năng suất tổng số tiền 15.120.000đ (mười lăm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) và về yêu cầu chặt hàng cây bạch đàn, tràm, dừa và 03 hàng khóm.

2. Công nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn H có trách nhiệm tỉa những cành, nhánh cây bạch đàn, tràm, dừa chiếm phần không gian đất của ông Nguyễn Văn L ngang 02m và dài 10m (theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/6/2025).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn L đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự: Ông Nguyễn Văn L được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC
tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 14 - An Giang;
- Phòng THADS khu vực 14 - An Giang;
- Đường sự;
- Lưu: Văn phòng, Tòa dân sự,
Phòng GD,KT,TT&THA, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu